

TIỂU SỬ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA ĐỆ TAM TỔ THIỆN PHÁI TRÚC LÂM HUYỀN QUANG

NGUYỄN MINH TƯỜNG*

Huyền Quang Thiên sư (1254 - 1334) là Đệ tam tổ Thiên phái Trúc Lâm đời Trần. Đệ nhất tổ là Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308); Đệ nhị tổ là Thiên sư Pháp Loa (1284 - 1330). Huyền Quang thiên sư vốn tên là Lý Đạo Tái⁽¹⁾, quê ở hương Vạn Tải, thuộc lộ Bắc Giang Hạ (đời Lê Thánh Tông đổi là xã Vạn Tư, huyện Gia Định, nay thuộc xã Thái Bảo, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh). Nhà ông ở phía đông - nam chùa Ngọc Hoàng.

Thân phụ của Huyền Quang là Lý Tuệ Tổ, khi trong tuổi đang đi học, thì giặc Chiêm Thành sang cướp phá Đại Việt, ông tòng quân và lập công trong chiến trận. Vì thế, vua Trần định cho làm quan, nhưng Lý Tuệ Tổ từ chối, trở về vui thú ruộng vườn, thành thoi ngày tháng, ham xem sách lạ, truyện kỳ⁽²⁾. Thân mẫu của Thiên sư họ Lê là người đức hạnh, kính thờ cha mẹ chồng hết mực hiếu thuận. Đến 30 tuổi mà chưa có con trai, bà thường đến chùa Ngọc Hoàng cầu tự. Ngôi chùa này có tiếng linh thiêng, cầu cúng điều gì đều được ứng nghiệm. Vì thế, sau đó, Thiên sư Huyền Quang ứng sinh. Sách *Tam tổ thực lục* cho biết: Tổ tướng mạo khôi

ngôi, có chí khí của một bậc trác việt, cha mẹ hết lòng yêu thương dạy cho học chữ. Tổ học một biết mười, có tài của Nhan tử Á Thánh⁽³⁾, mới đặt tên là Tải Đạo⁽⁴⁾.

Năm 20 tuổi, Huyền Quang thi Hương đỗ, năm sau đỗ đầu khoa thi Hội. Theo *Tam tổ thực lục*: cha mẹ định cưới vợ cho ông, nhưng ông không ưng thuận. Vua Trần định gả công chúa Liễu Nữ, cháu An Sinh vương cho ông, nhưng ông từ chối. Sau khi thi đỗ, Huyền Quang được sung vào Viện Nội hàn. Trong khi làm quan trong triều, ông từng phụng mệnh tiếp sứ giả phương Bắc, bởi vì Huyền Quang là người thông

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học.

(1) Họ tên thật của Huyền Quang, nhiều sách chép khác nhau: Trần Đạo Tái (*Toàn Việt thi lục*, *Hoàng Việt thi tuyển*); Lý Tải Đạo (*Tam tổ thực lục*); Lý Đạo Tái (được nhiều sách nói đến).

(2) *Tam tổ thực lục* - Truyện Huyền Quang.

(3) *Nhan Tử Á Thánh* tức Nhan Hối, là học trò giỏi của Khổng Tử; được Khổng Tử rất yêu mến, coi là gần đạt được tới bậc “nhân nhân”; vì thế đời sau được tôn là “Á Thánh”, nghĩa là gần đạt đến bậc *Thánh*.

(4) *Tải Đạo*: chữ *Tải* còn có âm là *Tái*: hầu hết các sách, ngoài đoạn ghi chép ở đây, đều ghi tên Huyền Quang là *Đạo Tái*, cũng có nghĩa là “*Chuyên chở Đạo*”.

thạo thư tịch, trích dẫn kinh nghĩa và ứng đối mau lẹ như nước chảy⁽⁵⁾.

Huyền Quang làm quan vào khoảng 20 năm. Đến năm 1305, khi đã 51 tuổi, ông mới xuất gia, theo học Thiền sư Bảo Pháp ở chùa Lê Vĩnh. *Tam tổ thực lục* có ghi ông từng tháp tùng vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Pháp Loa thuyết pháp, nhân đó có ý định xuất gia. Sau đó, ông dâng biểu ba lần xin từ chức và xuất gia, “thụ giới với Thiền sư Pháp Loa, pháp hiệu là Huyền Quang...”⁽⁶⁾. Chi tiết này thiếu chính xác, bởi người chép truyện có lẽ nghĩ rằng Huyền Quang, người kế vị Pháp Loa, phải được xuất gia theo học Pháp Loa. Thực ra, năm ông xuất gia với Thiền sư Bảo Pháp, thì Pháp Loa mới xuất gia được một năm⁽⁷⁾, làm gì đã được “*thuyết pháp*” ở chùa Vĩnh Nghiêm. Mãi đến năm 1306, Pháp Loa mới được lập làm giảng sư ở chùa Siêu Loại. Nhân sự kiện này, Bảo Pháp có đem Huyền Quang đến dự lễ và mới gặp Pháp Loa ở đây. Cũng tại đây, Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông gặp lại Huyền Quang trong hình thái tăng sĩ rất mừng biết Huyền Quang là một văn tài, liền đề nghị Bảo Pháp để Huyền Quang ở lại phụ tá với mình. Từ đó, Huyền Quang tùy tùng Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông trong cuộc sống hành đạo. Huyền Quang chỉ được đi theo học đạo và phụ tá cho Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông trong khoảng 2 năm, bởi vì

cuối năm 1308, thì Ngài viên tịch trên địa Ngọa Vân.

Trong hai năm đi theo Đức Trần Nhân Tông, Đức Phật hoàng đã nhờ Huyền Quang soạn các bộ sách như: *Chư phẩm kinh*, *Công văn tập*, *Thích khoa giáo*. *Tam tổ thực lục* chép rằng, Đức Trần Nhân Tông rất bằng lòng với công việc trước thuật của Huyền Quang, khi đọc xong các bộ sách trên, Ngài ngự bút phê như sau: “*Các kinh sách nhà Phật từng qua tay Huyền Quang, thì một chữ không thể thêm, một chữ cũng không thể bớt*”. Đức Trần Nhân Tông liền sai thợ khắc in những sách ấy để truyền lại cho đời sau. Huyền Quang còn được Đức Trần Nhân Tông cho đi du ngoạn khắp nước thăm các danh lam thắng cảnh và thỉnh thoảng giảng đàn thuyết pháp. Đặc biệt, có lần Thiền sư Huyền Quang được Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông cho ngồi trên pháp tòa làm bằng trầm hương của mình để giảng Kinh⁽⁸⁾.

Từ sau năm 1308, khi Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông mất, Huyền Quang đi theo Thiền sư Pháp Loa, làm đồ đệ gần gũi của người thầy trẻ hơn ông đến 30 tuổi. Ở đây, cần phải nói rằng, Thiền sư Pháp Loa (1284 -1330) là

⁽⁵⁾ *Tam tổ thực lục*.

⁽⁶⁾ Pháp Loa xuất gia năm 1304.

⁽⁷⁾ *Tam tổ thực lục*.

⁽⁸⁾ *Chùa Vân Yên*: đến thời Lê Thánh Tông, nhà vua đổi gọi là chùa Hoa Yên.

một bậc thiên tài hiếm có trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ngài xuất gia tu hành năm 20 tuổi, ở vào thời kỳ Phật giáo hưng thịnh như đời Trần, mà chỉ 4 năm sau, đã được Đệ nhất tổ Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông lựa chọn “làm người trụ trì kế thế đời thứ hai của phái Trúc Lâm” (*Tam tổ thực lục*), thì thấy tài năng và trí tuệ của Pháp Loa xuất chúng đến chừng nào!

Đi theo Pháp Loa học đạo một thời gian, Huyền Quang về trụ trì ở chùa Vân Yên⁽⁹⁾, trên núi Yên Tử. Khâm phục sức học quảng bác và đức độ lớn lao của Huyền Quang, tăng ni theo về học đạo có đến hàng nghìn người. Chính trong thời gian trụ trì tại ngôi chùa nổi tiếng này, Huyền Quang đã sáng tác bài *Vịnh Vân Yên tự phú*⁽¹⁰⁾ (Phú vịnh chùa Vân Yên).

Năm Quý Sửu (1313), vào ngày Rằm tháng Giêng, Huyền Quang về quê làng Vạn Tải để thăm cha mẹ. Bấy giờ, ông đã 60 tuổi, cha mẹ đã già yếu. Muốn được gần gũi song thân trong một thời gian, Huyền Quang liền lập một ngôi chùa ngay trong làng, sát phía tây của nhà cha mẹ, phía đông chùa Ngọc Hoàng, đặt tên là chùa Đại Bi, là lấy ý từ câu: “*Đại từ đại bi Quán thế âm Bồ tát, cứu độ cha mẹ quy y đạo Phật*”, nhân thế, chùa cũng mang tên Thiên sư⁽¹¹⁾. Nghe Thiên sư lập chùa, nhiều người ở kinh đô về phát tâm ủng hộ tài lực. Ngày khánh thành chùa, Huyền

Quang mở pháp hội lớn, mời chư tăng bốn phương về tham dự. Sách *Tam tổ thực lục* chép rằng: “Khi sư bắt đầu dựng chùa thì từ Thiên tử đến thứ dân ai cũng đóng góp công đức, tiền tài vàng bạc nhiều vô kể. Kinh quyển in xong, mở pháp hội lớn, khách thập phương tụ tập, chơi xem đến nghìn vạn người. Bấy ngày đêm hội mới tan. Sư lại đem của công đức phân phát cho tăng ni các đạo tràng và những người nghèo khổ rồi mở một tiệc yến nhỏ mời họ hàng làng xóm cùng bạn bè cố cựu và chia cho vàng lụa để tỏ tinh thần...”⁽¹²⁾. Ngay chiều ngày hôm đó, Huyền Quang khởi hành về chùa Vân Yên, núi Yên Tử, nơi Thiên sư chịu trách nhiệm trụ trì. Sách *Tam tổ thực lục* dành nhiều trang để kể chuyện hàm oan của Thiên sư Huyền Quang dính líu tới một cung nữ có tên là Điểm Bích. Sự việc này xảy ra hồi ông trụ trì chùa Vân Yên, có lẽ dưới triều Trần Minh Tông (1314 -1329)⁽¹³⁾.

Sách *Tam tổ thực lục* cho biết, sau khi trụ trì chùa Vân Yên, Yên Tử một thời gian, Huyền Quang về trụ trì ở chùa Thanh Mai (nguyên tên là chùa Hương Hào ở xã Phụ Vệ, huyện Chí Linh, trấn

⁽⁹⁾ *Thơ văn Lý - Trần* (1988), Quyền Thượng, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 706-712.

⁽¹⁰⁾ *Tam tổ thực lục*.

⁽¹¹⁾ *Tam tổ thực lục*.

⁽¹²⁾ *Tam tổ thực lục*.

⁽¹³⁾ Xem chi tiết câu chuyện này trong *Tam tổ thực lục*.

Hải Dương) trong sáu năm, rồi về trụ trì chùa Tư Phúc ở Côn Sơn. Người nối tiếp Huyền Quang trụ trì chùa Vân Yên là An Tâm quốc sư. Như trên vừa nói, Huyền Quang sau khi giao phận sự cho An Tâm đã về ở núi Thanh Mai và Côn Sơn. Tại các núi này vào năm 1329, Pháp Loa đã lập những cơ sở hoằng đạo cho giáo hội Trúc Lâm.

Cuối đời, Huyền Quang trở về tu tại chùa Tư Phúc ở Côn Sơn. Chùa này tục gọi là Chùa Hun, được lập ra từ đời Lý và được Pháp Loa mở mang, dựng các am Hồ Thiên, Chân Lạc để ở. Huyền Quang đến đây, lại tiếp tục mở mang chùa cảnh. Huyền Quang cho xây một tòa tháp có thể xoay được, gọi là “*Cửu Phẩm Liên Hoa*”. Tiếc rằng cho đến nay, tòa *Cửu Phẩm Liên Hoa* này đã bị thất truyền. Trong sách *Bắc Ninh phong thổ tạp ký* có nói rằng: Huyền Quang đã đi thăm nhiều chùa, trong đó có chùa Ninh Phúc ở Bút Tháp, Bắc Ninh. Tại đây, Thiền sư cũng đã dựng một đài *Cửu Phẩm Liên Hoa* và cho khắc in nhiều kinh điển. Tòa *Cửu Phẩm Liên Hoa* ở chùa Ninh Phúc là một cái tháp có thể xoay tròn được. Trong những dịp lễ lớn, tín đồ tới chùa tay xoay đài, miệng trì chú hay niệm Phật. Tháp xoay có 9 tầng và 8 mặt. Mỗi mặt của tầng dưới cùng, có chạm nổi hình ảnh sự tích Phật, trong đó có hình Cựu Lạc thế giới và Đức Phật A Di Đà. Tòa *Cửu Phẩm Liên Hoa* tại chùa Tư Phúc ở Côn

Sơn cũng do Huyền Quang dựng nên, chắc cũng tương tự như vậy.

Thiền sư Huyền Quang viên tịch ở Côn Sơn năm 1334. Nhưng ngày nay, ta không thể biết ông đã trụ trì bao nhiêu năm tại đây. Vì vậy, ta cũng không biết Thiền sư rời khỏi chùa Vân Yên năm nào và câu chuyện liên quan tới nàng Diễm Bích đã xảy ra vào năm nào. Thiền sư Huyền Quang mất ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334), nhưng tin ông mất về tới làng Vạn Tải ngày 24. Vì vậy, dân làng Vạn Tải cho đến nay, vẫn lấy ngày 24 tháng Giêng là ngày Ky tổ. Vua Trần Minh Tông ban hiệu cho Thiền sư Huyền Quang là “*Trúc Lâm Đệ Tam đại Tụ Pháp Huyền Quang Tôn giả*”. Nhà vua còn cúng dường 10 lạng vàng để xây bảo tháp cho Huyền Quang tại phía sau chùa Tư Phúc, Côn Sơn. Vua cũng ban ruộng cho chùa để lo tổ chức Ky giỗ hằng năm cho Thiền sư, kể cả ruộng các nơi cúng dường lên tới 150 mẫu 5 sào⁽¹⁴⁾.

Thiền sư Huyền Quang không chỉ là vị Tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm, mà ông còn là một nhà thơ lớn trên thi đàn dân tộc. Thơ của Thi sĩ Huyền Quang hiện còn lại 24 bài được bảo tồn trong *Việt âm thi tập* (1459) do Phan Phu Tiên và Chu Xa biên soạn vào đầu đời Lê sơ và *Trích diễm thi tập* (1497) do Hoàng Đức Lương biên soạn vào

⁽¹⁴⁾ *Tam tổ thực lục*.

cuối đời Lê Thánh Tông. Đọc thơ Huyền Quang, chúng ta biết rất ít về tư tưởng Phật giáo của ông. Phần lớn những bài thơ của Huyền Quang còn lại đều dành cho thiên nhiên, đề mai, vịnh cúc... Trong sách *Kiến văn tiểu lục*, học giả Lê Quý Đôn (1726 - 1784) nhận xét về thơ của ông như sau: “Sư Huyền Quang, người thời nhà Trần, học rộng, thơ hay, trong *Việt âm thi tập* có chép một bài thất ngôn tuyệt cú của Thiền sư, thì tựa hồ không phải khẩu khiếu nhà chùa, còn bài ngũ ngôn và bài thất ngôn thì lời thơ cũng bằng phẳng. Trong *Trích diễm thi tập* có chép một bài ngũ ngôn tuyệt cú và 21 bài thất ngôn tuyệt cú, thì thơ văn tinh tế, rất có khí tượng cao siêu”⁽¹⁵⁾. Nhà sử học Phan Huy Chú (1782 -1840) trong tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng nhận xét tác phẩm *Ngọc tiên tập* của Huyền Quang là: “Văn thơ bay bướm phóng khoáng”⁽¹⁶⁾. Để minh chứng cho nhận định của mình, sử gia họ Phan cử ra ba bài thất ngôn tuyệt cú: *Phiếm chu*, *Chu trung* và *Cúc hoa*. Bài *Chu trung* (Trong thuyền):

Nhất diệp biên chu hồ hải khách
Xanh xuất vĩ hàng, phong thích thích.
Vi mang tứ cổ văn trào sinh
Giang thủy liên thiên nhất âu bạch.

Dịch nghĩa:

Một chiếc thuyền con khách hải hồ
Đầy khòis rặng lau, gió ràn rạt.
Bốn bề mờ mịt, sóng chiều nổi

Trời nước mênh mông, một chim âu trắng lênh đênh.

Đúng như nhận xét của Phan Huy Chú, bài này thật là phóng khoáng và bay bướm!

Đọc thơ của Thiền sư - Thi sĩ Huyền Quang, dường như ta có một cảm giác rằng, chất tài hoa phóng khoáng của nhà thơ lấn át chất thiền học uyên thâm của bậc thầy “nói phép” của dòng Thiền Trúc Lâm. Nói chung, thơ của Thi sĩ Huyền Quang tinh tế cao siêu, phóng khoáng, nhẹ nhàng...; chỉ với vài nét chấm phá mà cảnh vật hiện ra sinh động, tựa như những bức tranh thủy mặc của nhà danh họa bậc thầy. Thiền sư Huyền Quang rất giỏi Phật học, nhưng thơ ông bình dị, ít nặng nề danh từ Phật giáo. Tuy vậy, tích cách đạt ngộ, thanh thoát vẫn bàng bạc trong thơ ông, như ta thấy khá rõ ở bài *Cúc hoa* chẳng hạn.

*

* *

Tam tổ thực lục cho biết, Huyền Quang đã từng biên soạn ba bộ sách về Phật học là *Chư phẩm kinh*, *Công văn tập* và *Thích khoa giáo*, tiếc rằng ba bộ sách ấy đều đã mất, không còn truyền

⁽¹⁵⁾ *Tam tổ thực lục*.

⁽¹⁶⁾ Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.393.

⁽¹⁷⁾ Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 4, Nxb Sử học, Hà Nội, tr.73.

lại đến ngày nay. Vì thế, chúng ta biết quá ít tư tưởng Thiền học của Huyền Quang. Ngày nay, ta chỉ biết đôi nét tư tưởng của Huyền Quang qua mấy câu thơ trong bài *Diên Hựu tự* (Chùa Diên Hựu), và trong bài *Kệ* bằng chữ Hán ở cuối bài *Vịnh Vân Yên tự phú* (Phú vịnh chùa Vân Yên). Trong đó, Huyền Quang nhắc nhở mọi người phải chú ý tới *Tam học* (Giới - Định - Tuệ). Theo Thiền sư, *Giới* và *Định* là những bức thành để ngăn giữ không cho phiền não thâm nhập. Giữ cho tâm hồn thanh thoát không lo lắng thì tâm mắt mới có thể nhìn xa thấy rộng, khi mà:

*Tham thấu thị phi bình đẳng tướng
Ma Cung Phật quốc hảo sinh quan.*

Nghĩa là:

Hiểu thấu ý nghĩa của thuyết Phải - Trái đều như nhau

Thì xem Cung Ma có khác gì nước Phật!

Hoặc, trong bài *Kệ* nói trên, Huyền Quang cũng viết:

*Biết được tính ra nên Bạt thật
Ngại chi non nước cảnh đường xa.*

Thiền sư muốn khuyên mọi người: Nếu ý thức được từ tính giác ngộ sẵn có nơi mình, thì sẽ không thấy con đường tu trước mắt là xa thăm thẳm nữa.

Chúng tôi thiết tưởng, chỉ từng ấy thôi, cũng cho ta thấy được quan điểm Thiền học cốt yếu của Huyền Quang.

Trong lâu đài văn hóa dân tộc ta vào đời Trần, có khá nhiều nhà Thiền học

uyên thâm, đồng thời cũng là nhà thơ xuất sắc. Trong số đó, ta có thể kể đến một vài tên tuổi tiêu biểu nhất, đó là: Đức vua - Thi sĩ Trần Thái Tông, Đức Tuệ trung Thượng sĩ Trần Tung, Đức vua - Thi sĩ Trần Thánh Tông, Đức vua - Thi sĩ Trần Nhân Tông, Đức Thiền sư Pháp Loa và Đức Thiền sư Huyền Quang.

Để kết thúc bài viết này, tôi xin trích dẫn ở đây mấy câu mở đầu trong bài *Tặng Huyền Quang tôn giả* của Đức vua - Thi sĩ Trần Minh Tông (1300 -1357):

Côn Sơn đại đạo sư

Vị ngã tác phúc điền.

Vương thân tất quy kính

Phật đạo tục hoàn liên.

Pháp kế Nhị tổ hậu

Cứu cánh Uy Âm tiên.

Dịch nghĩa:

Bậc thầy lớn ở Côn Sơn

Vì ta làm ruộng phúc.

Vương hầu, bề tôi thấy đều kính trọng

Đạo Phật tiếp liền mãi.

Sau khi nối pháp vị Tổ thứ hai (chỉ Pháp Loa)

Cuối cùng sẽ đứng trước Phật Uy âm.

Như vậy, có thể nói, Đệ tam tổ Thiền phái Trúc Lâm Huyền Quang chưa hề mất mà Ngài đã siêu thoát vào cõi Phật. Và, chính vì vậy, Thiền phái Trúc Lâm đời Trần, đã và đang được phục hồi, chấn hưng. Chúng ta hãy tin trong một tương lai không xa, trên vùng đất Phật - Yên Tử, dòng Thiền ấy lại hưng thịnh như xưa.

